**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN ĐỒNG PHÚ**
**TỈNH BÌNH PHƯỚC**
**Bản án số: 31 /2022/HNGĐ-ST**
**Ngày: 26/5/2022**
*Về việc:* "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

***-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa*: **Ông Võ Quang Dũng**
*Các hội thẩm nhân dân*: **Ông Nguyễn Đăng Thường**
**Ông Phạm Văn Giới**

***-Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: **Ông Trương Văn Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước:***

**Ông Lê Hoàng Anh-** Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2022/TLST – HN&GĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21 /2022/QĐXXST-HN ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: **Bà Bùi Thị Thu T**, sinh năm 1995
Trú tại: Tổ 4, ấp Q Y, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
Có mặt

**Bị Đơn*: **Ông Nguyễn Hồng Q**, sinh năm 1992
Trú tại: ấp Thái Dũng, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*-Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 10 năm 2021, bản tự khai, nguyên đơn là bà Bùi Thị Thu T trình bày:*

*Về hôn nhân*: Bà Bùi Thị Thu T và ông Nguyễn Hồng Q kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước). Trong thời gian chung sống, giữa bà Bùi Thị Thu T và ông Nguyễn Hồng Q sống hạnh phúc

đến giữa năm 2021. Từ giữa sau năm 2021 đến nay thì giữa hai người sống không có hạnh phúc mà mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do giữa bà T và vông Q có tính tình và cách suy nghỉ trong công việc làm ăn kinh tế không hợp nhau, trong cuộc sống công việc của ai người đó tự lo liệu, không ai quan tâm đến ai. Từ đầu năm 2022 đến nay, giữa bà T và ông Q sống ly thân với nhau. Hiện tại, tình cảm mà bà Bùi Thị Thu T dành cho ông Nguyễn Hồng Q đã hết nên bà T có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Hồng Q.

*Về con chung:* Bà Bùi Thị Thu T và ông Nguyễn Hồng Q có chung 01 người con tên là Nguyễn Bùi Gia Lợi, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2016. Bà Bùi Thị Thu T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Hồng Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà, bà Bùi Thị Thu T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

*-Tại bản tự khai ngày 20 tháng 4 năm 2022, bị đơn là ông Nguyễn Hồng Q trình bày:*

*Về hôn nhân:* Ông Nguyễn Hồng Q và bà Bùi Thị Thu T kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian chung sống do vợ chồng có tính tình không hợp nhau dẫn đến mâu thuẫn. Từ năm đầu 2022 đến nay thì giữa ông Q và bà T sống ly thân với nhau, hiện tại tình cảm giữa ông Q và bà T cũng đã thực sự hết. Bà Bùi Thị Thu T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hồng Q thì ông Q đồng ý ly hôn với bà T.

*Về con chung:* Ông Nguyễn Hồng Q và bà Bùi Thị Thu T có chung 01 người con tên là Nguyễn Bùi Gia Lợi, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2016. Bà Bùi Thị Thu T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung thì ông Nguyễn Hồng Q đồng ý giao cháu Nguyễn Bùi Gia Lợi cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng theo yêu cầu của bà Bùi Thị Thu T.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn. Phân tích các tình tiết của vụ án, tài liệu, chứng cứ được kiểm tra tại phiên tòa, đối chiếu với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thu T.

1.Về hôn nhân: Đề nghị Tuyên xử cho bà Bùi Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Hồng Q.

2.Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Nguyễn Bùi Gia Lợi, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2016 cho bà Bùi Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng.

Không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con (Do đương sự không yêu cầu).

3.Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

*Quan hệ pháp luật*: Bà Bùi Thị Thu T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hồng Q, yêu cầu giải quyết về con chung; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Vì vậy, đây là vụ án "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Thẩm quyền giải quyết của Tòa án*: Bị đơn là ông Nguyễn Hồng Q cư trú tại: ấp Thái Dũng, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

*Thủ tục tố tụng*: Bị đơn là ông Nguyễn Hồng Q có đơn xin xét xử vắng mặt, áp dụng khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

*Yêu cầu của đương sự*:

[1]*Về hôn nhân*: Bà Bùi Thị Thu T và ông Nguyễn Hồng Q kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Giấy chứng nhận kết hôn số 106, do ủy ban nhân dân thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước ký cấp ngày ngày 12 tháng 10 năm 2016 –BL 06). Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ về điều kiện và thủ tục kết hôn được quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong thời gian chung sống thì giữa bà Bùi Thị Thu T và ông Nguyễn Hồng Q sống với nhau hạnh phúc đến giữa năm 2021. Từ đầu tháng 6 năm 2021 đến nay, giữa hai người sống không có hạnh phúc mà mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng gay gắt, từ đầu năm 2022 đến nay hai người sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, tình cảm giữa hai người cũng không cải thiện được gì. Bà Bùi Thị Thu T xác định tình cảm mà bà T dành cho ông Nguyễn Hồng Q đã thực sự hết và có yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hồng Q. Ông Nguyễn Hồng Q cũng đồng ý ly hôn với bà Bùi Thị Thu T. Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa bà Bùi Thị Thu T và ông Nguyễn Hồng Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì

vậy, bà Bùi Thị Thu T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hồng Q là có căn cứ và được chấp nhận.

[2] Về con chung và cấp dượng nuôi con:

Bà Bùi Thị Thu T và ông Nguyễn Hồng Q có chung 01 người con tên là Nguyễn Bùi Gia Lợi, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2016 ( Bản sao Giấy khai sinh số 194/GKS-BS do ủy ban nhân dân thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước ký cấp ngày ngày 15 tháng 3 năm 2021 – BL số 07). Bà Bùi Thị Thu T và ông Nguyễn Hồng Q thống nhất giao cháu Nguyễn Bùi Gia Lợi cho bà Bùi Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu này phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc, thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3]Về tài sản chung: Các bên đượng sự không có yêu cầu nên không xem xet, giải quyết.

[4]Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Các bên phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:**

1.Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Hồng Q.

2.Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Nguyễn Bùi Gia Lợi, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2016 cho bà Bùi Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc, thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Bùi Thị Thu T phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Bùi Thị Thu T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018749 ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

5. Bà Bùi Thị Thu T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Hồng Q vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kề từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**
-TAND tỉnh Bình Phước;
-VKSND huyện Đồng Phú;
-THA huyện Đồng Phú;
-UBND TT Chơn Thành;;
-Các đương sự
-Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Quang Dũng**